

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/DS-ST  
Ngày: 11-9-2025  
*V/v tranh chấp yêu cầu xác định  
quyền sở hữu, quyền sử dụng tài  
sản, phân chia tài sản để thi hành  
án*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Quang

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Mỹ Vi - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lưu Thị Á, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Bà Trương Thị Kim V, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Đinh Thị Lệ C, sinh năm 1970; (có mặt)

2/ Ông Đinh Thanh H, sinh năm 1981; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3/ Ông Lê Văn M, sinh năm 1970; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Lưu Thị Ánh N sau:*

Theo Bản án số 24/2020/DS-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An buộc bà Trương Thị Kim V có trách nhiệm trả cho bà Á số tiền là 238.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án. Nhưng bà V không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước xác minh thì thấy rằng ông Đinh Thanh H là chồng bà V có đứng tên thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T và trên thửa đất có căn nhà của vợ chồng bà V.

Do đó để đảm bảo quyền lợi của bà Á, bà Á khởi kiện đối với bà V yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền tài sản của bà V trong thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay xã T, tỉnh Tây Ninh và căn nhà có trên thửa đất để làm cơ sở thi hành án cho bà Á.

Bà Á không biết rõ nguồn gốc thửa đất số 828, nhưng bà Á có nghe nói là cha ruột của ông H cho vợ chồng ông H, bà V, tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng bà V, ông H.

*Bị đơn bà Trương Thị Kim V trình bày như sau:*

Bà V và ông H về chung sống với nhau từ năm 2000, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vào năm 2020, ông H có nộ đơn ly hôn với bà V, nhưng Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, từ đó cho đến nay ông H và bà V không có làm thủ tục ly hôn nữa và vẫn tiếp tục chung sống với nhau.

Về nguồn gốc thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T là của cha chồng cho riêng ông H từ trước khi vợ chồng tiến tới hôn nhân. Năm 2005, cha chồng làm thủ tục sang tên cho ông H được đứng tên đối với thửa đất số 828 thì chỉ cho một mình ông H, trên hợp đồng tặng cho chỉ có tên ông H, khi ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng chỉ có tên ông H. Ông H và bà V cũng không có làm văn bản thỏa thuận thửa đất số 828 trở thành tài sản chung của vợ chồng ông H, bà V.

Trước giờ công việc chính của bà V là phụ nấu đám tiệc, còn thửa đất số 828 thì do ông H trực tiếp canh tác, bà V không có phụ canh lúa cùng ông H, nhưng vợ chồng ông H cùng sinh sống ở trên thửa đất này. Ban đầu là ở nhà lá, sau nhiều năm nhà lá sập xệ, hư đột rất nhiều, mỗi khi trời mưa, vợ chồng ông H bà V phải ra nhà chị ruột của ông H ở nhờ. Năm 2018, ông H bán toàn bộ thửa đất 828 cho bà Đinh Thị Lệ C là chị ruột của ông H. Ông H nói là bán lấy tiền cất lại nhà và cho con đi học, bà V không biết ông H bán thửa đất số 828 bao nhiêu tiền, ông H cũng không nói cho bà V biết. Toàn bộ số tiền bán đất do ông H quản lý. Tiền bán đất ông H sử dụng để cất nhà như hiện nay, ông H nói là bà C cho cất nhà trên thửa đất số 828 vì ông H và bà C là chị em ruột.

Sau khi ông H bán đất thì ông H giao đất cho bà C canh tác lúa, vợ chồng ông H thì ở trên phần đất nền thuộc thửa đất số 828.

Bà V xác định thửa đất số 828 là tài sản riêng của ông H, không phải tài sản chung của vợ chồng ông H bà V nên bà V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Á. Bà V không có tài sản riêng nào khác để thi hành án cho bà Á, bà V cũng đã nhiều lần đề nghị bà Á cho bà V trả dần hàng tháng từ 1.000.000 – 1.500.000 đồng nhưng bà Á không đồng ý. Hiện nay công việc của bà V là phụ nấu đám tiệc thu nhập trung bình là từ 4.000.000 – 4.500.000 đồng/tháng.

Vì vậy, bà V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Á.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Lệ C trình bày:*

Năm 2018, ông H cần tiền cho con đi học nên kêu bán thửa đất số 828, bà C thấy vậy mới mua lại thửa đất 828 với giá là 1.750.000.000 đồng vì muốn giữ đất lại cho gia đình. Bà C và ông H có làm giấy tay mua bán đất ngày 01/8/2019, bà C đã giao đủ tiền cho ông H và ông H cũng đã giao đất cho bà C quản lý sử dụng. Sau khi bán đất cho bà C, bà C thấy ông H không có chỗ ở, ông H lại là em ruột của bà C nên bà C đồng ý để cho ông H tiếp tục ở lại trên thửa đất số 828 và đồng ý cho ông H xây dựng nhà kiên cố trên thửa đất số 828.

Bà C và ông H chưa làm thủ tục sang tên thửa đất số 828 cho bà C đứng tên nhưng ông H đã đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 828 cho bà C giữ. Do giữa ông H và bà C là chị em ruột nên bà C chưa sang tên liền thửa đất số 828, trong trường hợp sau này con của ông H đi làm có tiền trả lại tiền cho bà C thì bà C cũng đồng ý trả đất lại cho ông H hoặc con ông H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Á, bà C đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Á vì thửa đất này ông H đã bán cho bà C rồi, còn việc ông H và bà C chưa sang tên là quyền tự do của bà C và ông H. Bà C xác định không yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và bà C vì bà C thấy không cần thiết, bà C và ông H sẽ tự thỏa thuận với nhau.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thanh H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025 như sau:*

Thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T là của cha ruột tặng cho riêng ông H, không phải tài sản chung vợ chồng của vợ chồng tạo lập. Phần đất này ông H đã chuyển nhượng cho bà Đinh Thị Lệ C là chị ruột của ông H với giá là 1.750.000.000 đồng, có lập giấy tay ngày 01/8/2019, ông H đã nhận tiền đầy đủ và giao toàn bộ giấy tờ đất và giao đất cho bà C nhưng do ông không có nhà ở nên bà C cho ông H cất nhà trên thửa đất này. Việc bà Á khởi kiện là không đúng vì thửa đất này tài sản riêng của ông H và ông H đã chuyển nhượng cho bà C, đã giao đất cho bà C. Do tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản thửa đất số 828 ông H đã chuyển nhượng cho bà C nên ông H không còn liên quan gì đến phần này, ông H đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại tòa án các cấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025 như sau:*

Thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T là ông M cùng với vợ là bà Đinh Thị Lệ C nhận chuyển nhượng từ ông Đinh Thanh H đã trả tiền và nhận đất. Hiện nay, bà Lưu Thị Ánh khởi K thì ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Á, ông M thống nhất với trình bày của bà C, bà C được toàn quyền quyết định trong vụ án này. Do ông M bận việc gia đình nên ông M đề nghị cho Tòa án ông M được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Xác định thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.524m<sup>2</sup>, loại đất lúa và căn nhà trên đất, tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng ông Đinh Thanh H và bà Trương Thị Kim V.

Về án phí: đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Nguyên đơn bà Lưu Thị Ánh khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” đối với bà Trương Thị Kim V có nơi cư trú tại ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An) nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh.

[1.2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thanh H, ông Lê Văn M có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông M, ông H.

[2]. Về nội dung: Bà Lưu Thị Á yêu cầu Tòa xác định quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án của vợ chồng bà Trương Thị Kim V, ông Đinh Thanh H là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh và tài sản trên đất để đảm bảo thi hành án cho bà Á số tiền 238.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm thi hành án theo Bản án số 24/2020/DS-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

[2.1] Xét thấy, căn cứ Công văn số 654/CV-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã T thể hiện bà V và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 04/6/2002 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2002, nên xác định thời kỳ hôn nhân của bà V và ông H được xác lập từ ngày 04/6/2002. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà V có lời trình bày trong năm 2020, ông H có nộp đơn ly hôn với bà V tại Tòa án nhân dân huyện Cần Đức nhưng Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H và vợ chồng tiếp tục chung sống cho đến nay là phù hợp với Bản án hôn nhân gia đình số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

[2.2] Về tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh, cả bà V, ông H và bà C đều cho rằng đây là tài sản riêng của ông H được cha ruột là cụ Đinh Ngọc C1 cho riêng và do ông H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 828 do ông H đứng tên thì vào ngày 17/11/2005, cụ C1 và ông H đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3510.CN đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.524m<sup>2</sup>, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Long An, theo đó, bên chuyển nhượng là cụ C1, bên nhận chuyển nhượng là ông H, tại các điều khoản được nêu trong hợp đồng nêu trên không thể hiện nội dung cụ C1 cho riêng ông H thửa đất này, hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực. Đến ngày 10/01/2006, ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 828, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 115222 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp, số vào sổ cấp GCN số H00499 tại mục II Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện nguồn gốc sử dụng đất là nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Như vậy, thời điểm ông H nhận chuyển nhượng và được đứng tên là trong thời kỳ hôn nhân giữa bà V và ông H. Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2025, trường ấp B, xã T

cung cấp thông tin bà V và ông H sinh sống trên thửa đất tranh chấp từ khi kết hôn cho đến nay, nên có căn cứ xác định bà V sinh sống ổn định cùng chồng, cùng quản lý, sử dụng thửa đất.

Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình 2014: *Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập trong thời kỳ hôn nhân và tài sản khác mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc tặng cho chung, cũng như tài sản mà vợ, chồng nhận được trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được tặng cho, thừa kế riêng hoặc có thỏa thuận là tài sản riêng và theo quy định tại Điều 34 Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Trong trường hợp quyền sử dụng đất do vợ, chồng có được sau khi kết hôn mà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi tên một người thì vẫn được coi là tài sản chung của vợ chồng, trừ khi có căn cứ chứng minh.*”

[2.3] Mặt khác, căn cứ vào hồ sơ đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05 nêu trên thì vào ngày 21/01/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần K1 là bên nhận thế chấp – Bên A và ông Đinh Thanh H, bà Trương Thị Kim V là bên thế chấp – Bên B đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp có nội dung “*Bên B đồng ý thế chấp cho bên A các tài sản của Bên A nêu tại Điều 2 Hợp đồng thế chấp...*”. Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quy định về tài sản thế chấp “*a. Loại tài sản thế chấp: quyền sử dụng đất;*

*b. Mô tả tài sản thế chấp:*

*Quyền sử dụng đất số thửa đất 828*

*Tờ bản đồ số 05, địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Long An...*

*c. Hồ sơ pháp lý chứng minh quyền sử dụng và/hoặc quyền sở hữu TSTC của bên B gồm có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 115222 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 10/01/2006, số vào sổ cấp GCN số H00499...*”

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất này được Văn phòng C2 công chứng ngày 21/01/2019, số công chứng 492, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD. Tại phiên tòa, bà V xác định bà V có ký tên vào hợp đồng thế chấp.

Từ những nội dung thể hiện tại hợp đồng thế chấp này có căn cứ xác định ông H, bà V đã xác định thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05 là tài sản chung của ông H, bà V.

[2.4] Tại Bản án hôn nhân gia đình số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức và tại phiên tòa hôm nay, bà V trình bày bà V là người tạo ra thu nhập nhiều hơn ông H, các khoản chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, việc chăm sóc và nuôi dạy con cái đều do bà V quán xuyến, nên có căn cứ xác định bà V cũng có công sức quản lý, duy trì đời sống gia đình, đóng góp vào duy trì tạo lập tài sản chung.

Đối với căn nhà trên thửa đất số 828, theo phía bà V, bà C và ông H trình bày là được xây dựng từ nguồn tiền chuyển nhượng thửa đất 828, là tiền riêng của ông H, tuy nhiên, bà V xác định vợ chồng cùng sinh sống tại căn nhà này và không có lập văn bản thỏa thuận căn nhà là tài sản riêng theo quy định tại Điều 47, Điều 48 Luật hôn nhân gia đình, nên không có căn cứ xác định căn nhà trên thửa đất số 828 là tài sản riêng của ông H.

Hơn nữa, tại Bản án hôn nhân gia đình số 82/2020/HNGĐ-ST ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, bà V, ông H đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Bản án tuyên xử không chấp nhận yêu cầu

khởi kiện ly hôn của ông Đinh Thanh H nên vấn đề về tài sản chung giữa bà V và ông H chưa được giải quyết bằng một bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Từ những nội dung được phân tích tại các mục [2.1]; [2.2]; [2.3] và [2.4] Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An, nay là ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh và căn nhà có trên thửa đất là tài sản chung của bà V, ông H.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Lệ C trình bày bà C đã nhận chuyển nhượng thửa đất số 828 theo giấy sang nhượng đất ngày 01/8/2019, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2025 bà C xác định bà C không làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C và ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, bà C có tranh chấp thì được quyền nộp đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Khu vực 6 – Tây Ninh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: 32.500.000 đồng. Bà V phải chịu và hoàn trả lại cho bà Á.

[6] Về án phí: Bà V chịu án phí không có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 33 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ánh đối V1 bị đơn bà Trương Thị Kim V về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Xác định quyền sử dụng đất tại thửa đất số 828, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 115222, sổ vào sổ cấp GCN H 00499 ngày 10/01/2006 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Đinh Thanh H đứng tên và căn nhà có trên thửa đất là tài sản chung của ông Đinh Thanh H và bà Trương Thị Kim V.

2. Chi phí tố tụng: 32.500.000 đồng. Bà Trương Thị Kim V phải chịu và có trách nhiệm hoàn lại cho bà Lưu Thị Ánh .

3. Về án phí: Bà Trương Thị Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh;
- Phòng THA.DS Khu vực 6 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Võ Thu Xuân**